Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 6506.10.90

Mã HS	6506.10.90
Mô tả hàng hóa	Mũ và các vật đội đầu khác, đã hoặc chưa lót hoặc trang trí / - Mũ bảo hộ và các vật đội đầu an toàn khác: / - - Loại khác
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	08/11/2026 17:10:24
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/65061090/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K10074
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N10074
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q10074
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E9592
ATIGA	2022	2022	0	AT!E9543
ATIGA	2023	2023	0	AT!F9543
ATIGA	2024	2024	0	AT!G9543
ATIGA	2025	2025	0	AT!H9543
ATIGA	2026	2026	0	AT!I9543
ATIGA	2027	2027	0	AT!J9543
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E9595
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F9595

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G9595
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H9595
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I9595
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J9595
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E9596
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F9596
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G9596
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H9596
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I9596
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J9596
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F9597
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H9549
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F9555
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G9555
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H9555
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I9555
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J9555
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K9555
VKFTA	2022	2022	0	VK!E9580
VKFTA	2023	2023	0	VK!F9580
VKFTA	2024	2024	0	VK!G9580
VKFTA	2025	2025	0	VK!H9580
VKFTA	2026	2026	0	VK!I9580
VKFTA	2027	2027	0	VK!J9580
VCFTA	2022	2022	1	VC!D9627
VCFTA	2023	2023	1	VC!E9627

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F9627
VCFTA	2025	2025	0	VC!G9627
VCFTA	2026	2026	0	VC!H9627
VCFTA	2027	2027	0	VC!I9627
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D9606
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E9606
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F9606
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G9606
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H9606
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I9606
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D9618
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E9618
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F9618
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G9618
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H9618
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I9618
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D9629
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E9629
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F9629
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G9629
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H9629
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I9629
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D9628
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E9628
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F9628
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G9628

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H9628
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I9628
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D9575
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E9575
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F9575
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G9575
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H9575
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I9575
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J9575
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D9612
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E9612
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F9612
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G9612
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H9612
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I9612
RCEP B	2022	2022	0	B!D9612
RCEP B	2023	2023	0	B!E9612
RCEP B	2024	2024	0	B!F9612
RCEP B	2025	2025	0	B!G9612
RCEP B	2026	2026	0	B!H9612
RCEP B	2027	2027	0	B!I9612
RCEP C	2022	2022	0	C!D9612
RCEP C	2023	2023	0	C!E9612
RCEP C	2024	2024	0	C!F9612
RCEP C	2025	2025	0	C!G9612
RCEP C	2026	2026	0	C!H9612

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I9612
RCEP D	2022	2022	0	D!D9611
RCEP D	2023	2023	0	D!E9611
RCEP D	2024	2024	0	D!F9611
RCEP D	2025	2025	0	D!G9611
RCEP D	2026	2026	0	D!H9611
RCEP D	2027	2027	0	D!I9611
RCEP E	2022	2022	0	E!D9615
RCEP E	2023	2023	0	E!E9615
RCEP E	2024	2024	0	E!F9615
RCEP E	2025	2025	0	E!G9615
RCEP E	2026	2026	0	E!H9615
RCEP E	2027	2027	0	E!I9615
RCEP F	2022	2022	0	F!D9612
RCEP F	2023	2023	0	F!E9612
RCEP F	2024	2024	0	F!F9612
RCEP F	2025	2025	0	F!G9612
RCEP F	2026	2026	0	F!H9612
RCEP F	2027	2027	0	F!I9612
VIFTA	2024	2024	0	VI!F8898
VIFTA	2025	2025	0	VI!G8898
VIFTA	2026	2026	0	VI!H8898
VIFTA	2027	2027	0	VI!I8898

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
DOC-002	ORANGE	Giấy phép / danh mục quản lý	Chính sách mặt hàng tham chiếu danh mục quản lý: HH tạm ngừng KD TNTX CK (08/2023/TT-BCT - PL2)		08/2023/TT-BCT	Xác minh hàng hóa có thuộc diện giấy phép, cấm hoặc hạn chế theo văn bản nêu trên.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-001	YELLOW	Kiểm tra chuyên ngành	Chính sách mặt hàng: SPHH có khả năng gây mất an toàn (6266/QĐ-BCA 2023)		6266/QĐ-BCA	Chuẩn bị hồ sơ đăng ký kiểm tra/chứng nhận theo văn bản nêu trên trước khi thông quan.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	SPHH phải KTNN về CL khi NK (01/2021/TT-BLĐTBXH)		01/2021/TT-BLĐTBXH	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 6506.10 có 5 dòng thuế; dòng 6506.10.90 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác.	6506.10.10 Mũ bảo hiểm cho người đi xe máy; 6506.10.20 Mũ bảo hộ công nghiệp và mũ bảo hiểm cho lính cứu hỏa, trừ mũ bảo hộ bằng thép; 6506.10.30 Mũ bảo hộ bằng thép; 6506.10.40 Mũ dùng trong chơi water-polo	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 6506.10.90. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 6506.10.90 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N10074), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
HH tạm ngừng KD TNTX CK (08/2023/TT-BCT - PL2)
SPHH có khả năng gây mất an toàn (6266/QĐ-BCA 2023)
SPHH phải KTNN về CL khi NK (01/2021/TT-BLĐTBXH)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.